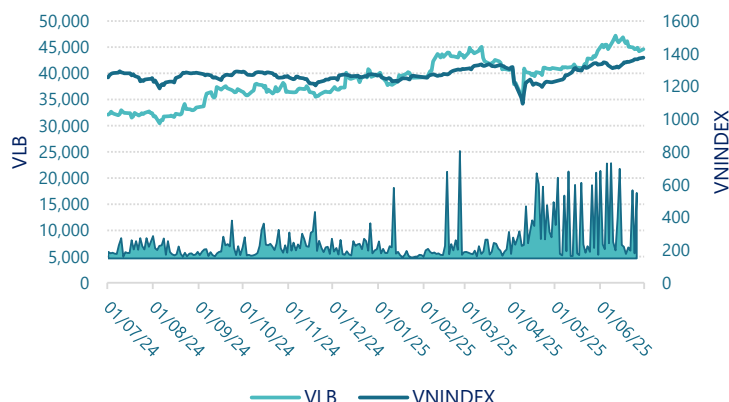


CTCP Xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa (UPCOM: VLB)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	46,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	47,209
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	30,453
SL cổ phiếu LH	46,720,560
KLGD BQ 20 phiên (CP)	85,905
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,154
P/E	8.6
EPS	5,371

DT thuần

Q2/25

409

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 70.0 | 20.5%

YoY: ▲ 70.0 | 20.5%

LN sau thuế

Q2/25

79.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 20.7 | 35.4%

YoY: ▲ 26.2 | 49.4%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

24.2%

+/- YoY: ▲ 4.0%

DT thuần

6T 2025

747

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 117 | 18.7%

LN sau thuế

6T 2025

138

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 33.0 | 31.5%

ROE

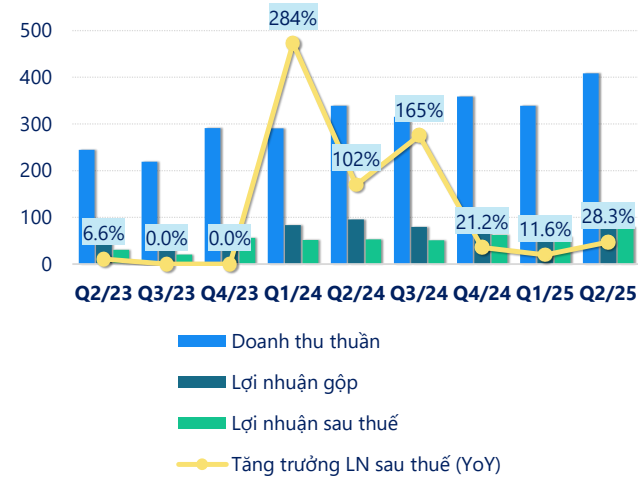
Q2/25

36.0%

+/- YoY: ▲ 7.3%

tỷ VNĐ

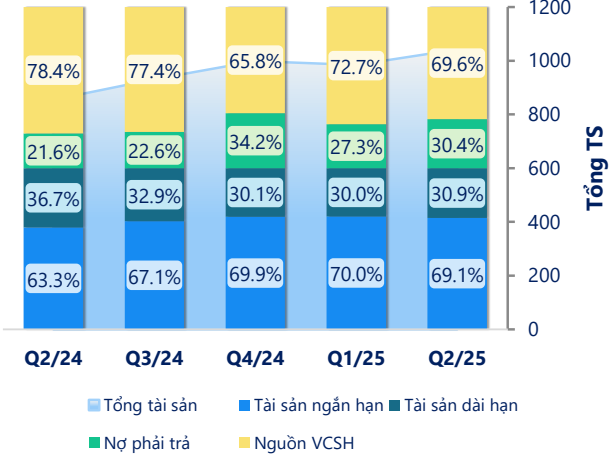
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

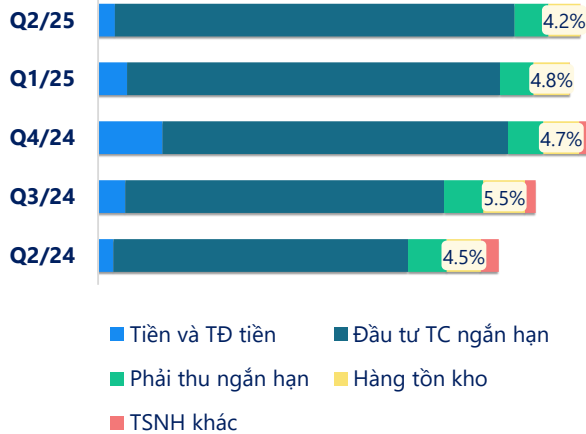
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



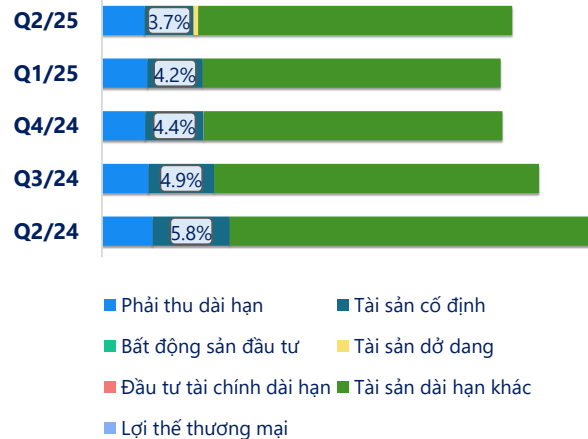
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

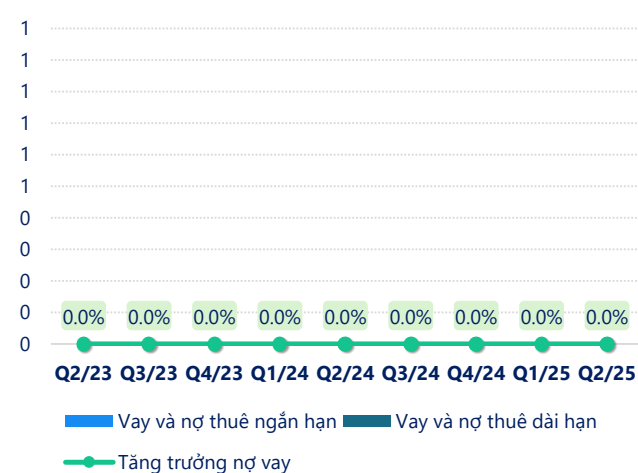
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

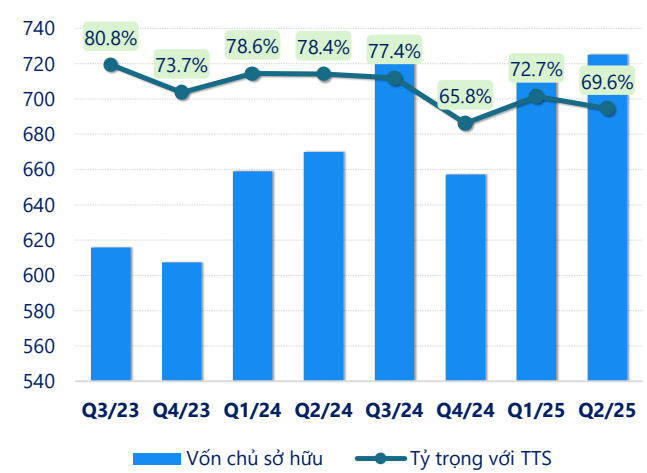
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

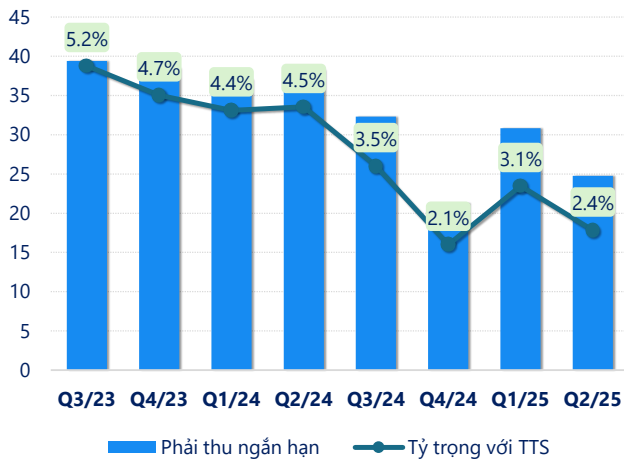
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

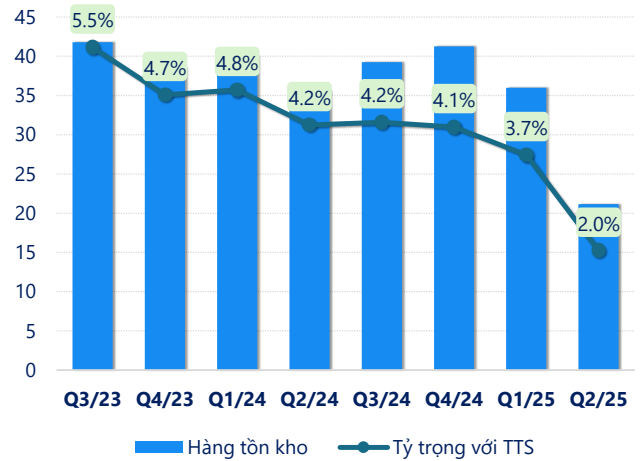
Phải thu ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

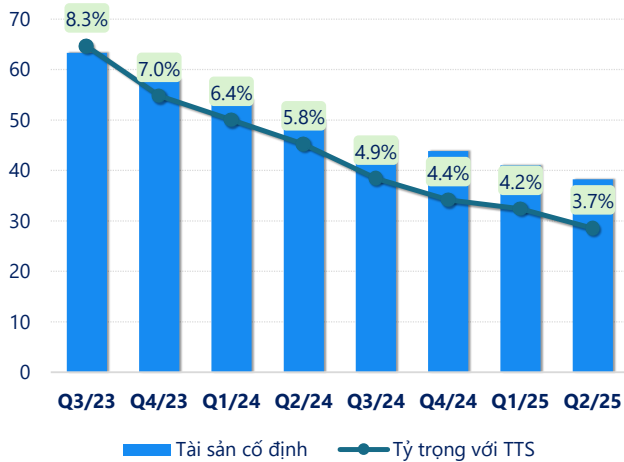
Hàng tồn kho



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

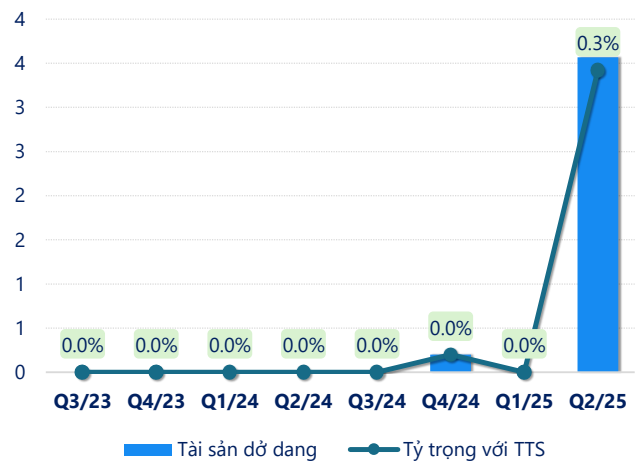
Tài sản cố định



(Nguồn: fireant.vn)

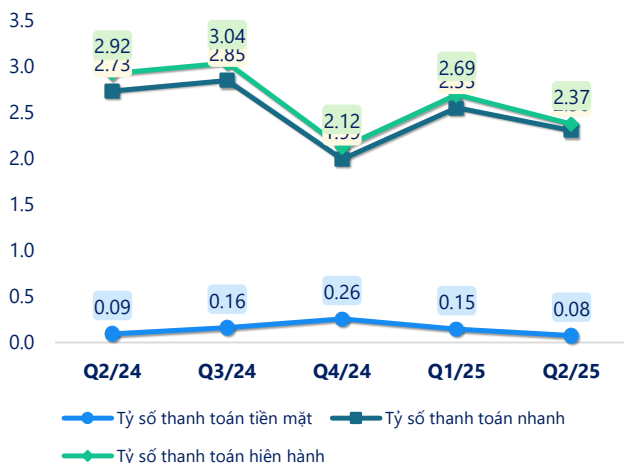
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang



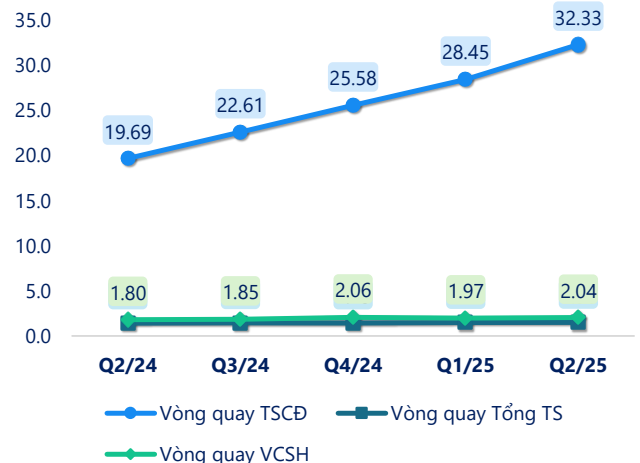
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	855	931	998	985	1,042
Tài sản ngắn hạn	541	625	698	689	721
Tiền và tương đương tiền	17.4	33.4	84.6	37.5	23.0
Đầu tư tài chính ngắn hạn	450	520	551	585	652
Phải thu ngắn hạn	38.3	32.3	21.3	30.8	24.7
Hàng tồn kho	35.6	39.2	41.3	36.0	21.2
Tài sản ngắn hạn khác	0.06	0.03	0.00	0	0.31
Tài sản dài hạn	314	306	301	295	322
Phải thu dài hạn	32.6	32.6	32.6	33.6	33.6
Tài sản cố định	49.7	46.0	43.8	41.0	38.2
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0.20	0	3.57
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	231	228	224	221	246
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	185	210	341	269	317
Nợ ngắn hạn	185	206	330	256	304
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	24.6	25.6	20.5	34.7	22.9
Nợ dài hạn	0	4.69	11.8	12.9	13.5
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	670	721	657	716	725
Vốn chủ sở hữu	670	721	657	716	725
Vốn điều lệ	469	469	469	469	469
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)